

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/06/2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Quốc Bình

2. Ông Nguyễn Văn Diệm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T – thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Tô Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 04 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 169/2025/HNGĐ –ST ngày 28 tháng 04 năm 2025 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 06 năm, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tràng H, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Nơi thường trú và chỗ ở: Đội 12, thôn S, xã T, huyện T, H

Căn cước công dân số: 001081026401; Ngày cấp: 02/5/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Nơi thường trú và chỗ ở: Xóm Đ, thôn H, xã H, huyện T, H

Căn cước công dân số: 001189018833; Ngày cấp: 30/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Tràng H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tràng H và chị Nguyễn Thị H tự do quen và tìm hiểu nhau trong khoảng hơn 01 tháng thì quyết định kết hôn. Tại thời điểm kết hôn, anh H và chị H hoàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, thành phố H vào ngày 10/9/2013 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục tập quán của địa phương.

Sau khi kết hôn, anh H và chị H sống tại nhà riêng của anh H tại đội 12, thôn S, xã T, thành phố H. Vợ chồng sống hòa thuận đến khoảng năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường cãi nhau, tranh luận to tiếng với nhau. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị H không đi làm nhưng cũng không làm các công việc nhà

như nấu cơm, giặt quần áo, dọn dẹp nhà cửa, chăm sóc chồng con Anh H đã nhiều lần nói chuyện, góp ý với chị H nhưng chị H không tiếp thu và không thay đổi. Hai bên gia đình đều biết tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị nhưng mẹ của chị H cũng không có phương thức gì tác động để chị H thay đổi. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị H đã bỏ về sống cùng với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Út tại số nhà 35, xóm Đ, xã H, huyện T, thành phố H từ 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh H và chị H có quay về chung sống với nhau khoảng 2 tuần sau thời điểm dịch covid vào năm 2021 nhưng sau đó do hai bên không tìm được tiếng nói chung nên chị H lại chuyển về sống với mẹ đẻ từ đó đến nay. Kể từ năm 2021 đến nay, anh H và chị H không gặp nhau, không liên lạc với nhau dưới bất kỳ hình thức nào nên hai bên cũng không có cơ hội để thực hiện các biện pháp cải thiện quan hệ hôn nhân. Hiện tại, anh H xác định không còn tình cảm với chị H và hai bên không còn khả năng đoàn tụ nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh H và chị H có một con chung là cháu Nguyễn Tràng T, sinh ngày 10/7/2013. Cháu T sống với anh H từ nhỏ nên khi ly hôn anh H đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại, anh H là lao động tự do (phụ hồ), thu nhập 07 – 08 triệu/ tháng. Anh H và cháu T đang sống tại nhà riêng của anh H (bố anh H để lại cho anh H) tại đội 12, thôn S, xã T, thành phố H. Do anh H là lao động tự do nên anh H không cung cấp được tài liệu chứng minh thu nhập thực tế của mình cho Tòa. Cháu T đang học lớp 6 tại trường trung học sơ sở Tả Thanh Oai, sức khỏe bình thường. Anh H cam đoan đủ điều kiện cả về vật chất và tinh thần để đảm bảo cuộc sống tốt nhất về mọi mặt cho cháu T. Do vậy, anh H đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh H và chị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

Về công nợ chung: Anh H và chị H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

Ngoài ra, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác và không trình bày thêm vấn đề nào khác.

*** Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn - chị Nguyễn Thị H trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị H xác nhận lời trình bày của anh H về quá trình tìm hiểu, kết hôn là đúng. Chị cũng xác nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, thành phố H vào ngày 10/9/2013. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại thôn S, xã T, huyện T, thành phố H. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh H không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với chị các vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân. Anh chị không tìm được tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không hoà hợp cả về tính cách và tình cảm. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và không thể tự hoà giải nên chị H và anh H đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Hiện tại, chị H đang sống cùng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị U tại xóm Đ, thôn H, xã Hữu Hoà, huyện T, thành phố H. Trong thời gian ly thân, chị và anh H không thực hiện bất kỳ biện pháp gì để cải

thiện quan hệ vợ chồng. Hiện tại, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H và xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị đồng ý ly hôn với anh H.

- **Về con chung:** Chị xác nhận, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tràng T, sinh ngày 10/7/2013. Ly hôn, chị xin nuôi cháu T và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Trường hợp anh H cũng có nguyện vọng nuôi cháu T thì chị đồng ý và không cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Anh chị không có, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

Do điều kiện sức khỏe và công việc nên chị H không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập được nên chị H xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước phiên tòa xét xử vụ án: Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng; Đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Anh H và chị H mâu thuẫn đã lâu, anh chị không có khả năng đoàn tụ chung sống. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, cho anh H được ly hôn với chị H. Anh H và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Tràng T, sinh ngày 10/7/2013. Ly hôn, giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh H không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Về tài sản, nhà ở, công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Anh H phải nộp án phí theo quy định pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự có trong hồ sơ và tại phiên tòa được thẩm tra, tranh luận công khai, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về thẩm quyền và việc xét xử vắng mặt đương sự: Đây là vụ án hôn nhân gia đình. Chị H đang sinh sống xóm Đ, xã H, huyện T, thành phố H. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T theo Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh H và chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tràng H và chị Nguyễn Thị H xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, thành phố H vào ngày 10/9/2013. Anh H xin ly hôn với chị H do mâu thuẫn và không còn tình cảm vợ chồng với chị H. Chị H xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và không còn tình cảm với anh H. Chị H đồng ý ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn

vợ chồng của anh H và chị H đã trầm trọng và không thể giải quyết, anh chị không có khả năng đoàn tụ và mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị cũng thống nhất đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn. Do vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, cho anh Nguyễn Tràng H được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tràng T, sinh ngày 10/7/2013. Cả anh H và chị H đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Chị H cũng nhất trí để anh H nuôi con nếu anh H có nguyện. Mặt khác, cháu T có nguyện vọng được ở với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung của anh chị đều đang ở độ tuổi phải chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh chị đều có khả năng và nguyện vọng được nuôi con chung. Tuy nhiên, để đảm bảo cuộc sống của cháu T và theo nguyện vọng của cháu T thì giao cháu T cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Toà không xét. Chị H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Anh chị khẳng định không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, 235, 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tràng H được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con là cháu Nguyễn Tràng T, sinh ngày 10/7/2013. Giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tràng Tiền, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên toà không xét. Chị H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Anh chị không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết nên tòa không xét.

4. Về án phí: anh H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền anh H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số BLTU/23 số 0057660 ngày 28/04/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, H. Anh H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP H;
- Viện kiểm sát nhân dân H. T;
- Chi cục thi hành án dân sự H. T;
- UBND xã H, huyện T, H(Giấy chứng nhận kết hôn số 61 quyển số 01/2013)
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương